

Bản án số: **460/2024/DS - ST**  
Ngày: 30-9-2024  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
(Tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thu Vân và ông Phan Thanh Tùng.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **171/2020/TLS - DS** ngày 23 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tranh chấp hợp đồng tín dụng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **327/2024/QĐXXST-DS** ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **267/2024/QĐXXST-DS-HPT** ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 (Lầu 8) đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Số điện thoại liên lạc: 02839320420;

Địa chỉ liên lạc: Số 224 đường Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh;

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Đức Thạch D** - Chức vụ Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín;

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông **Lê Nguyễn Tiến Th** - Chức vụ Giám đốc Chi nhánh Tân Bình - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo Giấy ủy quyền về việc ký hợp đồng/ thỏa thuận, văn bản và thẩm quyền tham gia tố tụng Số: 3933/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và ông **Đặng Minh T** - Nhân viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín là người được ủy quyền lại (người nhận ủy quyền lại) theo Giấy ủy quyền của ông Lê Nguyễn Tiến Th lập ngày 02/6/2020 (Ông Đặng Minh T có mặt).

*- Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc Hoàng O**, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 02438\*\*\*\*;

Số định danh cá nhân: 07918701\*\*\*\*\*;

Địa chỉ nơi thường trú: Số nhà A đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số nhà D đường Đ, Phường E, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tranh chấp hợp đồng tín dụng)” với bà Nguyễn Ngọc Hoàng O (sau đây gọi tắt là bà O).

*Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Sacombank trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ngày 11 tháng 9 năm 2015, bà O có ký với Ngân hàng Sacombank Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng {bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank đơn vị phát hành thẻ (các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng)}. Căn cứ thu nhập của bà O, Ngân hàng Sacombank đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) chưa bao gồm phí và lãi phát sinh. Trong quá trình sử dụng thẻ kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà O đã thanh toán cho Ngân hàng Sacombank được số tiền là 3.353.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở yêu cầu trả nợ nhưng bà O vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (vi phạm vào Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank), nên vào ngày 28 tháng 02 năm 2017, Ngân hàng Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà O và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank). Tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2020, bà O còn nợ Ngân hàng Sacombank số tiền là 13.991.774 đồng {Mười ba triệu chín trăm chín mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng (trong số tiền này có 5.884.598 đồng là khoản tiền nợ gốc và 8.107.176 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)}; tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), bà O còn nợ Ngân hàng Sacombank số tiền là 20.031.179 đồng {Hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín đồng (trong số tiền này có 5.034.527 đồng là khoản tiền nợ gốc và 14.996.652 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)}. Bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (trễ hạn thanh toán), nên Ngân hàng Sacombank yêu cầu Tòa án buộc bà O phải thanh toán (phải trả nợ) cho Ngân hàng Sacombank số tiền còn nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 20.031.179 đồng {Hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín đồng (trong số tiền này có 5.034.527 đồng là khoản tiền nợ gốc và 14.996.652 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)}, yêu cầu thanh toán một lần số tiền này ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Ngân hàng Sacombank còn yêu cầu Tòa án buộc bà O phải thanh toán cho Ngân hàng Sacombank thêm khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngoài yêu cầu nêu trên thì Ngân hàng Sacombank không còn yêu cầu bà O phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Ngân hàng Sacombank đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án gồm có: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 05 tháng 9 năm 2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng Sacombank (bên cho vay) với bà O (bên vay), có phê duyệt mức tín dụng: 10 triệu đồng (Mười triệu đồng chẵn), quy định lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15% của Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tân Bình; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng Sacombank đơn vị phát hành thẻ có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2012; Tóm tắt sao kê đối với bà O; bản sao không chứng thực (bản photocopy) sổ hộ khẩu của bà O và bản sao không chứng thực (bản photocopy) giấy chứng minh nhân dân của bà O.

Trong quá trình giải quyết vụ án này, bà O không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Ngân hàng Sacombank), trình bày yêu cầu phản tố (nếu có), cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà O.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn là Ngân hàng Sacombank do ông Đặng Minh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Sacombank giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà O; Ngân hàng Sacombank yêu cầu Tòa án buộc bà O phải thanh toán (phải trả nợ) cho Ngân hàng Sacombank số tiền còn nợ tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 20.031.179 đồng {Hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín đồng (trong số tiền này có 5.034.527 đồng là khoản tiền nợ gốc và 14.996.652 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)}, yêu cầu thanh toán một lần số tiền này ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật; Ngân hàng Sacombank còn yêu cầu Tòa án buộc bà O phải thanh toán cho Ngân hàng Sacombank thêm khoản tiền lãi quá hạn đối với số tiền chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng Sacombank không còn yêu cầu bà O phải thanh toán thêm khoản tiền nào khác.

Bị đơn là bà O vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Về việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (bà O) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn (bà O) vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tranh chấp hợp đồng tín dụng)” đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện, thụ lý vụ án và nhiệm vụ của Thẩm phán khi lập

hồ sơ vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175, 177, 178 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 241, 247, 254 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vắng mặt bị đơn sau khi đã tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự (đương sự) trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72, 199, 200 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (Tranh chấp hợp đồng tín dụng)”.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là bà O các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bà O theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, 179, 196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là bà O vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án gồm có: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 05 tháng 9 năm 2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng Sacombank (bên cho vay) với bà O (bên vay), có phê duyệt mức tín dụng: 10 triệu đồng (Mười triệu đồng chẵn), quy định lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 2,15% của Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Tân Bình; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Sacombank đơn vị phát hành thẻ có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2012; Bản Tóm tắt sao kê đối với bà O; bản sao không chứng thực (bản photocopy) sổ hộ khẩu của bà O và bản sao không chứng thực (bản photocopy) giấy chứng minh nhân dân của bà O. Hội đồng xét xử nhận định việc bà O có vay của Ngân hàng Sacombank số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là có thật; theo thỏa thuận của hợp đồng thì lãi suất mà bà O có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Sacombank là 2,15%. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà O đã thanh toán (đã trả nợ) được cho Ngân hàng Sacombank số tiền là 3.353.000 đồng (Ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn đồng), số tiền bà O còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng Sacombank tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 20.031.179 đồng {Hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín đồng (trong số tiền này có 5.034.527 đồng là khoản tiền nợ gốc và 14.996.652 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)}. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Sacombank đối với bà O là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; Hội đồng xét xử buộc bà O phải thanh toán (phải trả nợ) toàn bộ số tiền này cho Ngân hàng Sacombank.

Bị đơn là bà O đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là bà O đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn là bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.001.559 đồng (Một triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 305, 471, 472, 473 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 280, 351, 357, 400, 401, 468 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2019;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm ;

### **Xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.**

Buộc bà Nguyễn Ngọc Hoàng O phải có nghĩa vụ thanh toán (phải có nghĩa vụ trả nợ) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền còn nợ là **20.031.179 đồng** {Hai mươi triệu không trăm ba mươi một nghìn một trăm bảy mươi chín đồng (trong số tiền này có 5.034.527 đồng là khoản tiền nợ gốc và 14.996.652 đồng là khoản tiền lãi quá hạn)} ngay khi bản án này có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có đơn yêu cầu thi hành án.

Việc thanh toán tiền do bà Nguyễn Ngọc Hoàng O và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín tự thực hiện hoặc được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (bà Nguyễn Ngọc Hoàng O) còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán để trả cho bên được thi hành án (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín) theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng {Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 05 tháng 9 năm 2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Bình (bên cho vay) với bà Nguyễn Ngọc Hoàng O (bên vay) và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đơn vị phát hành thẻ có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2012}. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng {Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) đề ngày 05 tháng 9 năm 2015 đã được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Bình (bên cho vay) với bà Nguyễn Ngọc Hoàng O (bên vay) và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín đơn vị phát hành thẻ có hiệu lực từ ngày 13 tháng 7 năm 2012}, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay (Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín) thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

Trường hợp bà Nguyễn Ngọc Hoàng O không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền) giải quyết theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

### **2. Về án phí:**

Buộc bà Nguyễn Ngọc Hoàng O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là **1.001.559 đồng** (Một triệu không trăm lẻ một nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) để sung vào công quỹ nhà nước, nộp tiền tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền (Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **350.000 đồng** (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/ **0043807** ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:**

Án xử công khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có mặt, bị đơn là bà Nguyễn Ngọc Hoàng O vắng mặt không rõ lý do.

Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xin xét xử phúc thẩm.

Bị đơn là bà Nguyễn Ngọc Hoàng O có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xin xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.*

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Minh Tường**